



## HÁT MỜI TRONG DÂN CA ĐỐI ĐÁP NGƯỜI VIỆT DƯỚI GÓC NHÌN VĂN HÓA

*Nguyễn Thị Ngọc Diệp\**

*Khoa Ngữ văn – Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*

*Ngày Tòa soạn nhận được bài: 15-02-2017; ngày phân biên đánh giá bài: 20-3-2017; ngày chấp nhận đăng bài: 15-4-2017*

### TÓM TẮT

*Bài viết khảo sát những bài hát mời (trầu, rượu, chè...) trong dân ca đối đáp nam nữ người Việt ở các vùng miền trên đất nước về đặc điểm nội dung và ngôn ngữ nghệ thuật, chỉ ra một số điểm tương đồng và dị biệt trong những bài hát này ở các địa phương. Bài viết còn trình bày vai trò của hát mời trong tổng thể cuộc hát đối đáp và mối quan hệ giữa hát mời với văn hóa người Việt, đặc biệt là văn hóa giao tiếp.*

**Từ khóa:** dân ca đối đáp, hát mời, bối cảnh, văn hóa truyền thống, văn hóa giao tiếp.

### ABSTRACT

***Invitational Singing in Vietnamese Call-and-Response Folk Songs from a Cultural Perspective***

*The paper examines invitational singing in Vietnamese call-and-response folk songs in many regions of the country, in terms of the characteristics of contents and the artistic language, identifying the similarities and differences in invitational songs between some regions. The paper also explores its roles in the overall picture of call-and-response folk songs and the relationship between invitational singing and the Vietnamese traditional culture, particularly the culture of communication.*

**Keywords:** call-and-response folk songs, invitational singing, context, traditional culture, culture of communication.

1. Dân ca đối đáp (bao gồm cả hát và hò) là tên gọi chung cho nhiều hình thức ca hát dân gian tồn tại phổ biến trên đất nước ta: hát quan họ, hát ví, hát giặm, hát đúm, hát gheo, hát trống quân, hát cò lả, hò khoan, hò ống, hò giã gạo, hò chèo ghe, hò cấy... Đây là những cuộc trò chuyện trực tiếp bằng lời ca tiếng hát của người lao động, mà phần lớn là nam nữ thanh niên. Vào cuộc hát, các chàng trai cô gái có thể đối đáp với nhau theo nhiều chặng: hát dạo, hát chào mừng, hát hỏi thăm, hát mời, hát đố, hát thương nhớ, hát than trách, hát

cưới, hát giã biệt... Mỗi chặng một phong cách, một màu sắc thú vị khác nhau.

Khảo sát các chặng hát này một cách hệ thống là vấn đề đã được nhiều nhà nghiên cứu đi trước quan tâm trong các công trình bàn về dân ca người Việt. Tuy nhiên, vẫn rất cần có thêm những công trình tiếp nối để góp phần làm sáng rõ hơn vai trò, giá trị của bộ phận dân ca này trong đời sống cộng đồng. Việc tiếp cận những câu hát trong bối cảnh sinh hoạt hàng ngày, trong lễ lối diễn xướng ở từng địa phương... có thể có được cái nhìn đầy đủ,

\* Email: ngocdiiep\_65@yahoo.com.vn

sâu sắc hơn về văn bản ca dao (chỉ có thành phần ngôn từ).

Dân ca đối đáp là một dạng sinh hoạt tập thể, có thể diễn ra khi lao động, vui chơi, hội hè... Ở đó, qua lời ca tiếng hát, trai gái được tự do làm quen, tìm hiểu, kết bạn; người dân thuộc mọi tầng lớp, giới, ngành nghề, lứa tuổi... có thể trao đổi tâm tư, tình cảm với nhau về tất cả các vấn đề trong cuộc sống. Mỗi cuộc hát diễn ra phần nhiều theo những lề lối đã được định sẵn, nhưng người diễn xướng, người nghe, địa điểm, không gian, tình huống,... là những yếu tố không cố định, vì vậy, diễn biến thường không trùng lặp. Sức hấp dẫn chính là ở đây. Sự kết hợp nhạy bén, tinh tế giữa truyền thống và ứng tác, công thức và sáng tạo luôn làm mọi người thú vị.

Căn cứ vào tiến trình cuộc hát, nhìn chung dân ca đối đáp bao gồm các dạng thức sau: 1) *Dạng thức hát mở đầu* có các chặng hát dạo, hát chào mừng, hát hỏi thăm, hát giao hẹn, hát mời; 2) *Dạng thức hát thử tài* có các chặng hát đố, hát đối, hát họa, hát đấm bắt; 3) *Dạng thức hát xe kết* có hát thương nhớ, hát thư, hát thề, hát ước, hát than trách, hát cưới; 4) *Dạng thức hát kết thúc* có hát về kỷ vật, hát giã biệt.

Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi xin giới thiệu đôi nét về những bài *hát mời*, thuộc dạng thức *hát mở đầu* trong tổng thể trên. Với số lượng phong phú, nội dung sâu sắc, nghệ thuật tinh tế..., những bài hát này thật sự đã để lại ấn tượng khó phai cho những ai tìm đến với di sản dân ca người Việt.

**2.** Dạng thức hát mở đầu được mô phỏng theo nghi thức xã giao thông thường trong đời sống hàng ngày, tạo nhịp cầu hòa

hợp thân ái giữa đôi bên. Trước khi bước vào các chặng hát chính, nam nữ mong muốn được làm quen, được hiểu biết phần nào về các bạn hát của mình. Họ mời mọc nhau cùng hát (hát dạo), chào nhau với tâm trạng mừng vui hồ hởi (hát chào mừng), hỏi thăm tên tuổi, gia cảnh (hát hỏi thăm), đưa ra những giao hẹn cho cuộc chơi (hát giao hẹn), rồi mời trầu, thuốc, chè, rượu... (hát mời). Như vậy, hát mời thường được diễn xướng trước khi bắt đầu thi thố tài năng, giao duyên hẹn ước (như trong hát ví Hà Bắc, hát trống quân, hát quan họ, hát gheo...). Tuy nhiên, đây là sinh hoạt ca hát dân gian, nên mỗi địa phương có thể tồn tại những khác biệt nhỏ. Ở vài nơi, sau khi dạng thức hát thử tài kết thúc, đôi bên mới bước vào hát mời. Cho dù trình tự diễn xướng có thay đổi đôi chút, nhưng nội dung, chức năng của hát mời ở các nơi là như nhau. Đây cũng là ví dụ sinh động cho nhiều trường hợp (thay đổi trật tự các chặng hát) khác trong dân ca đối đáp. Bốn dạng thức nêu trên cùng với các chặng hát ở từng dạng thức giống như những “gói đối đáp” với quy mô lớn và nhỏ, được thiết kế sẵn về nghệ thuật trình bày, đã định hình về nội dung, phong cách, lề lối... Ở từng cuộc sinh hoạt cụ thể, người diễn xướng có thể ráp nối các “gói” lại với nhau, theo trật tự mà cộng đồng làng xã và nhóm nhỏ giao tiếp mong muốn. Về thực tế này, nhà nghiên cứu Tô Ngọc Thanh đã có lần bàn đến: “Khảo sát các trình diễn của dân gian, ta thấy chúng được ghi nhớ trong trí nhớ của con người và được truyền dạy theo phương pháp trực tiếp dưới dạng “mô hình”. Những mô hình này luôn được biến đổi về chi tiết trong mỗi lần trình diễn... Nó

là cái khung, là đường dây chính, là “kịch bản” theo cách gọi ngày nay” (Triều Nguyên, 1997, tr.26-27). Vì diễn xướng dân gian vừa bám theo mô hình chung vừa có những sáng tạo riêng nên dân ca đối đáp ở các vùng miền mang vẻ đẹp của sự thống nhất trong đa dạng.

Nguyễn Xuân Kính, khi bàn về thi pháp ca dao, đã nhận thấy: “Trong văn học dân gian, mô-típ mời trầu, ăn trầu, miếng trầu xuất hiện với tần số cao...” (Nguyễn Xuân Kính, 1992, tr.227). Thật vậy, thống kê từ các tuyển tập ca dao, người viết thu được hơn 500 lời có hình ảnh trầu cau. Có thể chỉ ra nhiều nguyên nhân của sự tồn tại này, nhưng nổi bật nhất trong số đó là do lời ca dao được hình thành từ các cuộc hát dân gian, nơi mà hát mời, hát mời trầu đã trở thành một chặng không thể thiếu trong tiến trình sinh hoạt (ở các chặng hát khác, hình ảnh trầu cau cũng xuất hiện đáng kể, nhưng số lượng vượt trội hơn cả là trong hát mời).

“Miếng trầu là đầu câu chuyện”, ca hát mà có sẵn trầu cau để tiếp đãi nhau thì còn gì quý bằng. Nhưng cũng có khi đi hát, thực tế họ chẳng có trầu, thuốc,... mà vẫn hát mời theo lề lối quen thuộc, để thể hiện phép lịch sự, lòng hiếu khách, tình cảm cởi mở, chân thành với nhau. Bên mời bên nhận, nên có bài hát *xin trầu, mời trầu, đòi trầu, khát trầu, cảm ơn mời trầu, nhớ trầu*,... thật là phong phú.

Lời *xin trầu* thật thiết tha: “*Có trầu cho miếng đồ môi...*”, “*Có trầu cho miếng bạn mỗ...*”, “*Có trầu cho miếng bạn ơi...*”.

Lời *mời trầu* ân cần: “*Hai tay bưng hộp phù lưu...*”, “*Hai tay bưng một hộp trầu, Trước chào quý khách, sau hầu văn nhân*”, “*...Mời chàng cầm lấy cho lòng*

*được yên*”, “*...Mời anh ăn miếng đậm đà thủy chung*”, “*Tặng em một đĩa giàu tình, Em ơi nhận lấy giàu anh đây mời*”...

Lời *cảm ơn mời trầu* lịch sự: “*Ăn giàu em cảm ơn giàu, Cảm ơn cả vỏ cả cau trong vườn, Cảm ơn anh đã mất tiền, Mua về cặm cùi tằm luôn đêm ngày*”, “*On nàng có đĩa giàu đầy, Mang ra mời thầy, mời mẹ, mời anh*”, “*On nàng có đĩa giàu đầy, Dem ra đãi bạn, bạn rầy cảm ơn*”...

Lời *đòi trầu* thật đáng yêu: “*Tiếng đồn nhà chàng đất tốt trồng cau, Đàng trước lắm quả, đàng sau cũng nhiều, Sao anh đi hát tay không, Lấy gì đãi bạn hội cùng đêm nay*”...

Rồi *khát trầu* cũng đầy lý lẽ: “*Nhà anh có hai vườn cau, Vườn trước mới bói, vườn sau mới trồng, Hôm nay đi hát tay không, Những bạn má hồng anh khát đến mai*”...

Có khi *nhớ trầu* đến nao lòng: “*Nhớ người buổi sớm, chiều hôm mời giàu, Giờ này người ấy ở đâu, Gặp nàng xin lại khẩu giàu ban trưa*”...

Trong bài hát mời, miếng trầu có khi giản dị, bình thường: “*Cau nương, trầu bụi hái ra...*”, “*Bạn quen ăn miếng trầu tay...*”, cũng có khi được thi vị hóa, trở nên quý giá, sang trọng, mang ý nghĩa thiêng liêng trong việc nối kết tình duyên đôi lứa: “*Ngoài xanh trong trắng như ngà, Vua quan cũng trọng, Phật bà cũng yêu*”, “*Trầu xanh, cau trắng, chay vàng, Cơi trầu bịt bạc thiệp mời chàng ăn chung*”, “*Trầu này cúc, trúc, mai, đào, Trầu này trầu thực nữ anh hào sánh đôi, Trầu này trầu quý trầu hôi, Trầu này thực nữ ước người trượng phu*”... Miếng trầu là *ngãi tương tư, ngài tơ đào, nụ huê hương, nụ hoa hiên,*

ngọt như đường... Người mời thì nói “Miếng trầu thật nhẹ như bông, Mời chàng cầm lấy cho lòng được yên”, nhưng người nhận lại bằng khuôn “Miếng trầu đã nặng như chì, Ăn đi thì được, lấy gì giả ơn”, “Miếng trầu ăn một trả ba, Trả khắp hai họ lân la láng giềng”...

Bên cạnh mời trầu còn có mời uống rượu, uống chè, hút thuốc... với cùng phong cách như trên. Xin rượu: “...*Có rượu cho chén, cho vui sự tình*”..., Mời rượu: “*Chàng đà bước tới sân đình, Tay nâng đôi chén rượu quỳnh ra chơi*”, “*Tay em rót chén rượu đào, Ừng hồng đôi má em trao cho chàng*”, “*Mời chàng uống chén rượu này, Uống rồi kể hết niềm tây giải lòng*”, “*Khuyên chàng không phải nghĩ suy, Nam nhân vô tư như kì vô phong*”... Cảm ơn mời rượu: “*Nhân kì gặp hội đi chơi, Em mời uống rượu anh thời cảm ơn*”... Xin thuốc: “...*Có thuốc cho điếu, ta thời kết đôi*”, “*Nàng ơi, cho anh mượn cái điếu ra đây, Anh hút một điếu tỉnh say mặc lòng*”... Mời thuốc: “*Mời chàng điếu lửa xin hầu...*”, “*Mời vào điếu bạc đèn đồng...*”, “*Mời bạn vô nhà hút thuốc nghỉ chân...*”, “*Hai tay em nâng điếu bình, Mời chàng xơi thuốc có xinh không chàng*”... Mời nước: “*Ấm thủy tinh đựng nước chè xanh, Rót chén bạch định mời anh ấm trà*”, “*Chè non nước chát xin mời, Nước non non nước, nghĩa người chớ quên*” “*Tay em quạt nước màn che, Mời chàng uống cạn chén chè vui xuân*”...

Tất cả cũng được thi vị hóa, trở nên sang trọng, đầy ý nghĩa: nước thì: “*Khay bằng bạc, ấm lại bằng ngà, Cho loan nhớ phượng, cho ta nhớ mình*”, “*Chè mạn hay là chè Tàu, Ô Long, Ninh Thái hay chè Hà*

*Giang...*”; thuốc thì: “*Gỗ gụ tiện bát để kê, Ông muốn chính thực bằng đồng đúc ra, Quai điếu chính thực bằng ngà...*” ... Còn lời mời rất ngọt ngào, tình tứ: “*Mình ơi có uống đi nào, Có say em bế mình vào phòng loan*”...

Nói chung, bài hát mời thường miêu tả kĩ về món ăn, món uống (nguồn gốc, chủng loại, màu sắc, hình dạng, thành phần, việc chuẩn bị...), vật đựng (chất liệu, màu sắc...), tường giải về ý nghĩa của thức mời kèm theo lời mời. Trầu, rượu, chè, thuốc... vừa gắn với nghi thức xã giao, vừa hàm chứa lung linh những ẩn ý về tình yêu, hôn nhân. Các bài hát mời góp phần tạo nên tâm thế tốt nhất cho cả đôi bên để chuẩn bị bước sang các chặng hát tiếp theo, có thể là cảm mến, hiểu biết, gần gũi, quý trọng nhau hơn.

Ở một số nơi, như Nghệ Tĩnh chẳng hạn, trong hát phường vải, hát mời được tiến hành sau khi thử tài nhau. “Qua được cái cầu hát đố đỏi, tức là bên nữ đã hiểu rõ bên nam, đã phục tài trí bên nam, bắt đầu gắn bó với bên nam, nên lời hát ở bước này dịu dàng hơn, êm ái hơn, cung kính, trân trọng hơn” (Ninh Viết Giao, 2002, tr.66). Lúc này, các chàng trai đứng hát ngoài sân coi như đã vượt một chặng đường khó khăn, bắt đầu được các cô gái ngồi dệt vải trong nhà mời vào để tiếp tục cuộc đối đáp. Vì vậy, bài hát mời ở đây có thêm những câu hát mời vào nhà của bên nữ: “*Bạn ơi mời bạn vô nhà, Đừng đứng ngoài ngõ sương sa lạnh lùng*”, “*Ai đứng ngoài ngõ mời vô, Rượu Quỳnh Trang đang rót, con mực khô đang vùi*”, “*Ai kia ngoài ngõ mời vào...*”, “*Mời chàng quân tử vào chơi...*”, “*Mời chàng nhẹ gót vào sân...*”,

“Mời chàng nho sĩ vào trong mà ngồi...”.

Và các chàng trai thường trả lời với vẻ e dè, từ tốn: “Vào nhà cũng muốn vào nhà, Sợ ông nghiêm cấm, sợ bà cấm nghiêm”, “Vào nhà cũng muốn vào nhà, Sợ lòng thực nữ mặn mà chi không?”, “Ở đây nỏ thấy có thành, Ngõ ngoài không đóng mà anh khó vào”, “Lạ lòng đứng chút ngoài sân, Khi mô kết ngãi Châu Trần sẽ vô”...

Bên nữ thường dành cho bên nam những từ xưng gọi đẹp đẽ: *quân tử, Hàn Tín, Trương Lương, khách tri âm, chàng nho sĩ...*, và miêu tả sự tiếp đón với tất cả nhiệt thành: “*Ấm trà lan đang ngọt, chén trà tàu đang ngon*”, “*...Võng đào ra rước, chiếu hoa trải ngồi*”, “*...Mời ngồi chiếu phượng mà nghe thiếp đàn*”, “*...Em đây thuận một, mẹ cha thuận mười*”, “*...Dầu ai có hỏi nói là rể con*”...

Cũng như ở Nghệ Tĩnh, trong hát đúm Hải Phòng (một hình thức đối ca trong các ngày hội xuân) có hình thức hát mời sau khi đó, đối. Sau khi mời trà, rượu..., nam nữ còn hát mời chơi nhà. Hai bên mời nhau thăm nhà, hẹn thăm nhà..., cùng tỏ bày những mừng vui vì nhận được lời mời xen lẫn lo âu, đắn đo vì e ngại cha mẹ, cô dì, chú bác đôi bên. Lời mời của cô gái rất thân tình: “*Hay là anh giận gì em, Mẹ thấy vẫn nhắn anh lên chơi nhà*”. Chàng trai thì ôm nỗi lo về cha mẹ nhà nàng: “*Nàng bảo anh sang chơi nhà, Sợ lòng cha mẹ người đã nghĩ sao, Nàng về trình bạch thấp cao, Thì anh mới dám ra vào nghi gia*”, về tình trạng hôn nhân của nàng: “*Sợ khi anh đến chơi nhà, Chồng nàng đã có thất gia đã đành*”. Bên nữ cũng nhiều tâm trạng khi nhận lời mời: “*Một*

*nhà muốn hợp trúc mai, Hay là chi thử một bài bướm ong, hay như con én liệng vòng, Hay như chiếc lá thả dòng mà chơi...*”.

3. Theo miêu tả trên đây, có thể thấy sinh hoạt dân ca có những quy ước, thể thức, truyền thống sáng tác và thưởng thức riêng. Hát mời chỉ là một trong nhiều chặng của toàn bộ tiến trình, nhưng cũng được tổ chức thật chu đáo, nền nếp, làm đẹp lòng cả người hát lẫn người nghe. Sinh hoạt này vừa là giao tiếp về nghệ thuật, vừa là giao tiếp về văn hóa. Ở thời điểm diễn ra sự kiện, văn hóa truyền thống được thực hành, trao truyền và tiếp nhận một cách hiệu quả đến từng cá thể trong nhóm nhỏ của cộng đồng.

Đến với các bài hát mời, dấu ấn của văn hóa trà cau là điều không thể phủ nhận. Tục ăn trà, mời trà, dùng trà trong nghi thức hôn nhân... từ đời sống thường ngày của dân tộc đã đi vào câu hát dân gian một cách tự nhiên mà không kém phần ấn tượng. Với vai trò là vật giao tiếp, vật giao duyên, vật dẫn cưới..., hình ảnh trà cau luôn mang đến nhiều tầng nghĩa ẩn tàng ý nhị cho lời ca. Mời trà, xin trà, nhận trà... trong sinh hoạt đối đáp vừa là chặng hát mang tính thủ tục, lễ lới, vừa là một điểm nhấn đáng chú ý trong tiến trình giao kết tình yêu lứa đôi dựa trên những liên tưởng thú vị về sự quán quýt trà – cau. Văn hóa trà cau chính là văn hóa của sự trân quý nghĩa tình.

Trong các bài hát mời, văn hóa giao tiếp người Việt cũng là khía cạnh cần được quan tâm. Đây là môi trường góp phần nuôi dưỡng sự tồn tại của dân ca đối đáp, tác động và in dấu trên các dạng thức, các chặng hát, đặc biệt là hát mời.

Hãy thử tìm hiểu cụ thể hơn. Nét trội đầu tiên ở chặng này là *sự yêu thích, sự nhiệt tình, chân thành trong giao tiếp*. Được gặp gỡ, giao lưu với nhau là niềm vui lớn, nên tất cả những gì tốt nhất, quý nhất... đều dành cho bạn hát (dù có nhiều khi đôi bên cùng một cảnh nghèo, nhưng lời hát với những hình dung, tưởng tượng bay bổng đã tô đậm lòng hiếu khách, nét văn hóa truyền thống đẹp đẽ của dân tộc). Các bài mời trầu, nước, thuốc, mời vào nhà, mời chơi nhà... là những sáng tác ấn tượng tôn vinh nét đẹp này: *“Em xin nâng chén mời người, Trà thơm thơm nức cả mùi ngón tay”, “Vào nhà mượn đĩa bày trầu, Tôi đàn, người lí bưng hâu người xoi”, “Hai tay bưng chiếc điếu bình, Mời chàng xoi thuốc thấu tình cho em”, “Mời vào điếu bạc, đèn đồng, Cơi ngà, chén ngọc, nước trong ấm vàng”, “Anh ơi mời anh vô nhà, Vồng đào ra rước, chiếu hoa trái ngời”*... Từng lời nói, cử chỉ, hành động... đều thể hiện sự trọng thị, nhẹ nhàng, thân ái. Thêm nữa, những cụm từ gọi thưa ở đầu và cuối các bài hát như *“Rằng người thương ơi!”*, *“Rằng duyên kết bạn tình ơi!”*, *“Ơ, là bạn, người ơi!”*, *“Ơ là bạn tình ơi!”*... càng khiến cho lời mời ngọt ngào hơn, dễ xiêu lòng hơn.

*Sự trọng tình* khi giao tiếp cũng là nét đẹp văn hóa đáng được ghi nhận trong hát mời. Hát mời luôn lấy chữ tình làm trọng. Chữ tình là tâm điểm chi phối tất cả. Các từ *nhân, nghĩa, tình* thường xuyên được nhắc đến với thái độ đề cao. Phần lớn nam nữ lựa chọn những chuẩn mực ứng xử cao đẹp nhất để thể hiện mình, trong đó nổi bật là sự coi trọng nghĩa tình. Trầu, nước, thuốc... là những thức đơn sơ, dung dị

nhưng “nặng bằng chì”: *“Miếng trầu là miếng trầu vàng, Ăn rồi ta kết nghĩa chàng nên đôi”, “Miếng trầu ai bệt ai bài, Ăn vào đây đó thấm hai chữ tình”, “Miếng trầu có hai chữ tình, Chữ dâng phụ mẫu, chữ chúng mình mình ơi”, “Hút rồi nhà khói ra ngay, Ròng vàng uốn khúc chàng say lu đừ, Hút vào lại hóa tương tư, Thủy hỏa, lửa nước cũng như vợ chồng”*... Bài hát mời sở dĩ khiến người ta nhớ mãi vì nghĩa tình thấm đẫm trong miếng trầu, chén rượu.

Theo thời gian, những nét đẹp giao tiếp qua lời hát đã góp phần tô bồi, củng cố các điểm trội trong văn hóa người Việt, đúng như một nhà nghiên cứu đã nói: *“Folklore là một cơ chế quan trọng trong việc duy trì sự ổn định của văn hóa. Nó được dùng để khắc sâu những tập quán và tiêu chuẩn đạo đức cho thanh thiếu niên...”* (Ngô Đức Thịnh, Frank Proschan, 2005, tr.150). Các nhóm nhỏ tham gia ca hát qua quá trình sinh hoạt lâu dài càng thấm nhuần, yêu mến, tự hào hơn về nền văn hóa đó. Các bài hát mời đã đem đến cho người lao động những bài thực hành sinh động, thú vị về giao tiếp trên nhiều phương diện (quan niệm, thái độ, phong cách...). Năng lực giao tiếp của mọi người được rèn luyện, nâng cao theo từng cuộc hát. Những cái đẹp trong lời ca được họ tiếp nhận nhẹ nhàng theo kiểu “mưa dầm thấm lâu” và hành xử theo trong cuộc sống hàng ngày.

Bên cạnh *trọng tình, trọng văn* cũng là nét văn hóa được thể hiện rõ nét trong hát mời. Theo Chu Xuân Diên, *“Xã hội truyền thống của người Việt là một xã hội trọng văn”* (Chu Xuân Diên, 2002, tr.264]. Thật vậy, hoạt động văn chương nghệ thuật

được dân gian nhắc đến với thái độ rất trân trọng. Mục đích thư giãn, giải trí và nuôi dưỡng, bồi bổ tinh thần hòa lẫn vào nhau. Thú vui tao nhã, thanh cao này có sức hấp dẫn lớn lao. Trong lời mời, người hát luôn vẽ ra khung cảnh hứa hẹn mang đến nhiều niềm vui: “*Mời chàng nhẹ gót vào hiên, Thơ thân, rượu thánh, cò tiên ngọt ngào*”, “*Vào đây kẻ sử, người kinh, Kẻ đàn, người nhị chung tình cho vui*”... Người tham gia đối đáp được xưng gọi bằng nhiều mỹ từ. Không gian sinh hoạt được ví như chốn thần tiên, vườn hoa, dinh thự... Có thể nói, sự tồn tại phổ biến của dân ca đối đáp ở các vùng miền đã khẳng định vị trí quan trọng của sinh hoạt văn hóa này trong tâm thức cộng đồng. Lời hát mời cũng đồng thời là những minh chứng sống động cho vị trí danh dự đó của dân ca.

4. Từ những tìm hiểu sơ bộ về các bài hát mời trong dân ca dưới góc nhìn văn hoá, có thể hiểu thêm nhiều điều về sinh hoạt đối ca truyền thống này của người

Việt, cũng như bước đầu lí giải được vì sao nó lại tạo nên sức hấp dẫn mãnh liệt và có sức sống bền bỉ ở nhiều địa phương qua nhiều thời kì lịch sử. Chỉ là một chặng hát nhỏ, nhưng tất cả đều được sắp bày thật chi tiết, chu đáo (nội dung, nghệ thuật, lễ lới...). Có những khuôn mẫu, mô hình để dựa theo, đồng thời cũng có những khoảng không cho tự do sáng tạo. Vai trò của chặng hát mời nói riêng, tổng thể cuộc hát nói chung đối với văn hóa người Việt cũng là điều có thể khẳng định. Nhà nghiên cứu Tô Ngọc Thanh từng nhận xét: “*Đây là loại trình diễn dân gian có nhiều sản phẩm mang chất lượng văn hóa - nghệ thuật và ứng xử xã hội cao. (...) Trong văn hóa dân gian mỗi tộc người, những sản phẩm của giao duyên thường được coi là một trong những biểu tượng mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc.*” (Tô Ngọc Thanh, 2007, tr.37). Thiết nghĩ, các bài hát mời đã góp phần không nhỏ để làm nên những giá trị đáng trân trọng đó của sinh hoạt đối ca.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chu Xuân Diên. (2002). *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. TP Hồ Chí Minh: NXB Đại học Quốc gia TPHCM.
- Ninh Viết Giao. (2002). *Hát phường vải*. Hà Nội: NXB Văn hóa - Thông tin và Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây.
- Nguyễn Xuân Kính. (1992). *Thi pháp ca dao*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội, .
- Mã Giang Lân, Nguyễn Đình Bưu. (1976). *Hát ví đồng bằng Hà Bắc*. Ti Văn hóa Hà Bắc xuất bản.
- Triều Nguyên. (1997). *Hò đối đáp nam nữ Thừa Thiên- Huế*. Huế: NXB Thuận Hóa.
- Tô Ngọc Thanh. (2007). *Ghi chép về văn hóa và âm nhạc*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Sông Thao, Đặng Văn Lung. (biên soạn và tuyển chọn, 2007). *Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam*, tập 4, quyển 2, Dân ca. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Ngô Đức Thịnh, Frank Proschan. (đồng chủ biên, 2005). *Folklore thế giới- một số công trình nghiên cứu cơ bản*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Giang Thu, Trần Sân, Phạm Thị Huyền. (2003). *Tìm hiểu hội mở mắt Thủy Nguyên, hội hát đúm Hải Phòng*. Hà Nội: NXB Văn hóa -Thông tin.